

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 03 - 2021

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Vũ Mạnh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 395/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2020, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Ni, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/12/2002 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, ông N không lo tu chí làm ăn, không quan tâm vợ con gia đình. Bà T đã làm đơn ly hôn nhiều lần, Ông N đã xin hứa sửa chữa nhưng không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm

trọng và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà T thấy tình cảm giữa bà T và ông N không còn, chung sống cùng nhau không hạnh phúc nên Bà T có nguyện vọng được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Phạm Đại D, sinh ngày 06/5/2007 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 24/02/2012. Hai con chung hiện nay đều do Bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Sau ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông N đã được triệu tập họp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không tiến hành hoà giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện EaKar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng họp lệ nhưng ông N vẫn vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là đúng quy định của pháp luật.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX tuyên xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn N. Giao 02 con chung Nguyễn Phạm Đại D, sinh ngày 06/5/2007 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 24/02/2012 cho bà Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn N. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, đây là yêu cầu “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cư Ni, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/12/2002 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, ông N không lo tu chí làm ăn, không quan tâm vợ con gia đình. Bà T đã làm

đơn ly hôn nhiều lần, ông N đã xin hứa sửa chữa nhưng không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay Bà T thấy tình cảm giữa Bà T và ông N không còn, chung sống cùng nhau không hạnh phúc nên Bà T có nguyện vọng được ly hôn ông Nguyễn Văn N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên Bà T về đoàn tụ cùng Ông N để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn N. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn N mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

[3] Về con chung: Bà T và ông N có 02 con chung là Nguyễn Phạm Đại D, sinh ngày 06/5/2007 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 24/02/2012. Hai con chung hiện nay đều do Bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Sau ly hôn, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Từ khi còn sống chung cho đến khi hai vợ chồng sống ly thân, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Hiện nay con chung đang học tập và sống ổn định cùng bà T, các con chung cũng có nguyện vọng được ở cùng bà T. Bà T hiện nay làm công nhân có thu nhập ổn định, đồng thời có nơi ở ổn định bảo đảm sự phát triển đầy đủ về thể chất cũng như tinh thần cho con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của LHNGĐ, HĐXX cần giao 02 con chung Nguyễn Phạm Đại D, sinh ngày 06/5/2007 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 24/02/2012 cho bà Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 147, điểm b Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.
 - Quan hệ về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.
 - Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Phạm Đại D, sinh ngày

06/5/2007 và Nguyễn Phạm Gia H, sinh ngày 24/02/2012 cho bà Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng Bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0011447 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaKar.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- T.H.A dân sự huyện EaKar;
- UBND xã CưNi, huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh